

BIỂN TRONG TÂM THỨC DÂN GIAN ĐÔNG NAM Á

(nghiên cứu qua thần thoại, truyền thuyết)

NGUYỄN VIỆT HÙNG

Đông Nam Á không chỉ là một thực thể địa lý mà còn là khu vực lịch sử, văn hóa, có vị trí chiến lược về kinh tế, quân sự trong lịch sử thế giới hiện đại. Có nhiều cách tiếp cận khu vực đối với Đông Nam Á dựa trên thành tựu liên ngành và chuyên ngành, trong đó mỗi ngành khoa học có những ưu thế và hạn chế riêng. Tuy nhiên, các nhà khoa học đi đến thống nhất về sự tồn tại của một nền văn minh cổ Đông Nam Á khu biệt với nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa; sự hình thành và phát triển của các quốc gia - dân tộc ở Đông Nam Á với bề dày lịch sử và chiều sâu văn hóa; sự liên kết chặt chẽ trên nhiều phương diện của một khu vực văn hóa đa dạng trong sự thống nhất. Trong bối cảnh phải đối diện với sự bành trướng, sức ảnh hưởng của các cường quốc trên biển Đông, các quốc gia Đông Nam Á lại cùng chung mối quan tâm và đề giải quyết những vấn đề quốc tế liên quan đến chủ quyền biển đảo, đòi hỏi sự cần thiết thấu hiểu tường tận về nguồn gốc lịch sử, ảnh hưởng của văn hóa biển đến đời sống tinh thần vật chất của các cộng đồng, từ đó nhận thức được nguồn mạch tinh thần mạnh mẽ, ý thức lịch sử sâu sắc, lối tư duy bền vững từ trong truyền thống dân gian. Chính vì thế, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu biểu tượng Biển trong thần thoại, truyền thuyết các dân tộc Đông Nam Á để tìm hiểu tâm thức dân gian, phần chìm sâu trong nếp tư duy, nếp suy nghĩ của cư dân các quốc gia trong khu vực.

1. Biểu tượng của sự sống, sự sáng tạo thế giới

Có thể nói rằng không một khu vực nào tiếp xúc với biển ở mức độ gần gũi, sâu sắc, liên tục như Đông Nam Á, "văn hóa biển đã trở thành một trong ba yếu tố nền tảng của văn hóa bản địa Đông Nam Á: núi, đồng bằng và biển" (Cao Xuân Phổ 1994: 100-101). Biển hiển hiện trong đời sống hằng ngày, từ quá khứ đến hiện tại, nhưng biển vẫn được bao phủ bởi một lớp huyền thoại, gắn với quá trình tạo lập vũ trụ, sản sinh ra con người, hình thành sự sống và các thành tựu văn minh của các dân tộc ở Đông Nam Á. Huyền thoại về biển thể hiện một niềm tin vào siêu nhiên khi con người vừa dựa vào biển để có nguồn sống, vừa lợi dụng vừa chinh phục, vừa thành kính vừa sợ hãi, và ở hầu hết các nền văn hóa, biển liên quan đến tín ngưỡng đa thần của cư dân

bản địa. Với niềm tin thiêng liêng đó, con người thời cổ tin rằng thần/biểu tượng trong thần thoại là có thực, một sự thực trong tâm lý, tâm linh chứ không phải thực tế của lịch sử. Với một thực thể là biển, tư duy thần thoại đã đi từ tưởng tượng đến lý trí, từ kỳ ảo đến tư duy nhận thức khoa học. Vì vậy, với cư dân Đông Nam Á, biển được hình tượng hóa thành một vị thần - hơn nữa còn là một vị thần sáng thế, gắn với sự hình thành vũ trụ, đúng với ý nghĩa "Biển là một biểu tượng của động thái sự sống. Tất cả từ biển mà ra và tất cả trở về biển: đây là nơi của những cuộc sinh đẻ, những biến thái và những tái sinh" (Chevalier, Gheerbrant 1997: 80).

Lịch sử nghiên cứu thần thoại đến thế kỷ XX đã đi đến những kết luận đơn giản như những câu định nghĩa mang bản chất của thể loại: thần thoại kể chuyện về các vị thần và có liên quan đến các nghi lễ dân gian, tôn giáo.

Quan điểm của Rudolf Otto cho rằng "huyền thoại (cùng với phép thuật và niềm tin vào linh hồn) được coi là "tiền sảnh ở ngưỡng cửa cảm giác tôn giáo đích thực, sự nhen nhóm của ý thức đáng kính sợ", trong khi Northrop Frye cố gắng chỉ ra thánh thần là yếu tố cốt yếu của một huyền thoại cho rằng "thần thoại là một câu chuyện trong đó một số nhân vật chính là vị thần"; Angelo Brelich đã chỉ ra rằng "thần thoại đã dần hé lộ rằng nó không thể đứng ngoài các yếu tố tôn giáo, và ngày nay nó thường được xem xét trên cùng một bình diện như các hình thức cơ bản khác của tôn giáo, nếu không muốn nói là nguồn gốc sâu thẳm của nó" (Kirk 1978: 10-11). Chính vì lẽ đó, thần thoại về biển trước hết đã hình tượng hóa biển như một vị thần. Thần biển là *khởi nguyên của thế giới*. Thần thoại Philippin kể rằng: Hàng ngàn năm trước, trên trái đất không có nắng cũng không trăng, không sao, và trên thế giới chỉ là một biển lớn của nước, trải dài trên bầu trời. Nước là vương quốc của thần Maguayan, và bầu trời đã được cai trị bởi các thần Captan (Ashliman 2003: 1). Khác với quan điểm của tôn giáo về một đấng tối cao sáng tạo ra thế giới, thần thoại các nước Đông Nam Á thường khởi đầu bằng một hình tượng biển nước mênh mông. Thần thoại Bagobo về Tuglibong: Ban đầu Diwata tạo ra biển và đất rồi trồng ở đó rất nhiều cây. Sau đó ngài lấy hai mẫu đất sét tạo ra hình người. Người đàn ông là Tuglay, người đàn bà là Tuglibong. Trong một bản kể thần thoại sáng thế khác, người Philippin quan niệm rằng: "Ngày xưa không có trái đất, chỉ có biển và trời. Trời và biển tranh giành quyền lực: biển dâng nước lên cao, tung sóng lên mặt trời. Trời nổi giận ném đá xuống biển. Chỗ nào đá rơi xuống thì biển thành các hòn đảo. Một trong các hòn đảo mọc lên loại cây cao có nhiều lá, không cành. Đó là cây tre đầu tiên trên mặt đất. Một con chim đến bay mổ vào thành đốt tre đầu tiên, đốt tre nứt ra có người đàn ông chui ra" (Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát 1998: 25). Như vậy, trong sự hình dung của các cư dân Đông Nam Á, biển là yếu tố đầu tiên, khởi phát của sự sống, sinh thành thế giới. Biển trở thành biểu tượng thiêng, gắn với tín ngưỡng của người nguyên thủy.

Biển được hình tượng hóa thành những biển thể khác nhau. Thần thoại người Việt kể chuyện thần biển: "Hồi xưa có một vị thần đội lốt một con rùa... Mỗi lần hít vào thì nước biển tuôn vào bụng, mỗi lần thở ra thì khối nước đó lại ủa ra hết. Cứ mỗi lần hô hấp như thế thì biển có hiện tượng thủy triều dâng lên rút xuống. Thần nằm yên lặng nhưng đôi khi có mặt mỗi, phải cựa quậy. Mỗi lần thần vùng vẫy là có gió to bão lớn, nước dâng tràn ngập mọi nơi, người trên mặt đất thường gọi là sóng của thần hay sóng thần" (Bùi Mạnh Nhị 2003: 11). Người dân ở Bukidnon phía bắc Mindanao có huyền thoại kể về nguyên nhân của lũ lụt do con cua trườn ra khỏi chỗ của nó gây ra. Chỉ có một người đàn ông khôn ngoan biết cách chặt cây cối làm thành tấm bè ba lớp. Nước biển dâng lên, nhấn chìm tất cả, anh ta và những người thân trong gia đình sống sót (Cole 1916: 125-126). Cole có ghi chú rằng: niềm tin về con cua khổng lồ gây ra lũ lụt, hay thủy triều cũng trải rộng khắp Malaysia. Sự giống nhau trong câu chuyện về huyền thoại lụt có ở Kinh Thánh nhưng rõ ràng những dị bản như vậy cho thấy không có sự ảnh hưởng của Kitô giáo. Qua đó, chúng ta thấy yếu tố văn hóa biển bản địa (cua, rùa) nổi trội và đặc thù trong tư duy các dân tộc Đông Nam Á về những hiện tượng thiên nhiên của biển cả. Một sự hình dung lơ mơ về một cái lỗ khổng lồ, nơi trú ngụ của các vị thần biển là nguyên nhân gây ra bão biển hoặc sóng thần, có liên quan đến những sự biến động địa chất hay hoạt động núi lửa mà người nguyên thủy chưa thể nhận thức được rõ ràng. Từ đó, với những người đi biển, sự bình yên hay nổi giận của biển/thần biển có liên quan đến hành vi ứng xử của con người: những nghi thức hiến tế người ném xuống sông/biển được mô tả trên mặt trống đồng, những hành động/nghi thức của lễ hội chọi trâu ở Đồ Sơn (Hải Phòng), cách đặt tên theo lối gọi "phản ngữ": Hòn Hiền, Hòn Mệ mà Leopold Cadière đã nhắc đến (Cadière 1997: 244), mà sử ký ghi lại có cả trường hợp của biển Đại Ác thành Đại An, Tiểu Ác thành Tiểu Khang là những sự chuyển hóa nội dung xã hội vào trong thần thoại, là những sự biến hóa của tín ngưỡng thờ thần biển. Phần lời trong

thần thoại tương ứng với hành động trong nghi lễ, thực hành tôn giáo, cũng là biểu hiện tính nguyên hợp cao độ trong thể loại thần thoại.

Như đã nói ở trên về một khu vực văn hóa đặc thù, những hình tượng, biểu tượng trong ngôn từ truyền miệng ở các dân tộc Đông Nam Á có nét đặc sắc riêng dù thể hiện những mẫu đề mang tính phổ quát nhân loại. Chẳng hạn, để trả lời câu hỏi *Vì sao nước biển lại mặn?* thần thoại kể như sau: "Người em được thần chỉ bảo đổi cái bánh lấy cối xay đá, có chiếc cối cầu xin mọi thứ. Có người buôn muối đánh cắp chiếc cối chạy ra biển, người buôn muối cầu xin cái cối cho mình muối, thế là muối tuôn đầy thuyền, tuôn mãi khiến thuyền đắm, chiếc cối rơi xuống biển, từ bấy giờ cứ xay ra muối" (Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát 1998: 33). Việc giải thích nước biển mặn là chủ đề mang tính quốc tế, nhưng ở thần thoại Đông Nam Á xuất hiện sự vật cụ thể là chiếc cối - một thành tựu văn minh liên quan đến các kỹ thuật chế biến lúa gạo, có lẽ của thời đại sau, đã gia nhập vào thần thoại sáng thế buổi đầu, là tình tiết mang đặc sắc của khu vực văn hóa này. Hình tượng chiếc cối đã xuất hiện trên hoa văn trống đồng Đông Sơn và tồn tại nhiều trong văn bản truyền miệng của người Dao về sự hình thành trời đất do chày (hoặc giàng cối xay) của hai ông bà lão va vào bụng trời, vì thế mà trời bay lên cao, xa cách mặt đất. Chày và cối là hai biểu tượng lưỡng phân - lưỡng hợp, tượng trưng âm dương, mang ý nghĩa phồn thực. Chiếc chày như vật nối liền thế giới, thông linh trời đất. Như vậy, những nội dung lịch sử, xã hội đã được chuyển hóa, kết hợp trong những biểu tượng thần thoại và rõ ràng một lịch sử mang tính nhận thức là biểu hiện đặc thù của tư duy thần thoại.

2. Biểu tượng của cội nguồn sinh thành/tái sinh dân tộc, loài người

Ý nghĩa tái sinh của biển đã được nhắc đến mang tính nhân loại nhưng ở các dân tộc Đông Nam Á, những biểu hiện của lớp nghĩa này rất phong phú, đa dạng và mang sắc thái riêng. Trước hết, biển là biểu tượng cho sự sinh thành dân tộc, con người, tổ tiên loài người/cộng đồng

người. Sử thi thần thoại Mnông kể về sự hình thành thế giới và tổ tiên người Mnông từ hành động "con chuồn chuồn sinh ra từ bọt nước biển/con chuồn chuồn phối vào đá". Với sử thi của người Ra Glai, "sông to biển lớn" là biểu tượng cho mạch nguồn của sự sống, là mẹ yêu thương, nơi hứng vào lòng mình tất cả những đau khổ, đau thương, vui sướng, hạnh phúc của tộc người. "Sông to biển lớn" là điểm tựa vững chãi, là nơi con người từ đó mà ra và cuối cùng cũng lại quay về. Bởi vậy, trong cuộc trường chinh để sinh tồn của tộc người Ra Glai, nơi nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng, nơi vực dậy niềm tin, nơi làm sống lại và cho ra đời những thế hệ mới tài giỏi, uy dũng để gánh vác trách nhiệm lớn lao của cộng đồng cũng chính là "sông to biển lớn". Sông to biển lớn không chỉ có chức năng tẩy rửa sự non nớt tuổi thơ, những bụi bặm của cuộc đời trong nghi lễ thành đinh mà còn có khả năng tái sinh, tái tạo con người: *Dừng chân ngựa lại dừng chân ngựa chiến/Chàng Udai đưa em gái đã chết về bên sông, biển/Rời niềm chú viện phép thần linh cứu sống em* (Nguyễn Thị Bích Nguyệt 2015: 40). Những hành trạng của người anh hùng trong cuộc trường chinh vĩ đại ở sử thi là những tia ánh xạ của lịch sử di cư các tộc người Nam Đảo đến vùng đất Tây Nguyên. Những ký ức về hành trình thiên di đã tồn tại một cách bền vững, được tái hiện một cách sinh động, hào hùng, kỳ vĩ thông qua các biểu tượng về biển trong hình thức diễn xướng ngôn từ dân gian ở các tộc người mà bây giờ gần như không có sự tiếp xúc nào với biển.

Bằng cái nhìn địa - văn hóa, địa - lịch sử, nhà nghiên cứu Trần Quốc Vượng đã khái quát về *tính chất bán đảo nổi bật của Việt Nam*, biểu hiện qua việc kiến tạo nên các hằng số văn hóa bền vững, trở thành mẫu số chung trong việc diễn giải về cội nguồn dân tộc. "Bản sắc văn hóa Việt là bản sắc bán đảo, tiếp nhận và hội nhập (*integration*) cả các ảnh hưởng lục địa lẫn các ảnh hưởng hải đảo. Cái bản sắc văn hóa ấy được phản ánh rõ nét trong huyền thoại khởi nguyên luận của người Việt toàn quốc: Mẹ tổ Âu Cơ (Tiên) từ Núi xuống lấy Bố tổ Lạc Long Quân (Rồng) từ Biển lên, sinh

trăm trứng nở trăm con, sau lại chia đôi, một nửa ở miền đồi núi, một nửa ở miền sông nước... Nó còn được phản ánh ở 3 cặp vợ (bản địa) *chồng* (từ biển vào), ở xứ Bắc là Man Nương - Khâu đà la (Ấn), ở xứ Trung là nàng Trâm Hương Pô Inur - Nagara (Chàm) - hoàng tử Bắc Hải (Hoa), ở xứ Nam là nàng Liễu Diệp (Phù Nam) - Kaundinya (Ấn)" (Trần Quốc Vượng 2000: 21). Những dẫn chứng đó đã khẳng định sự có mặt của yếu tố biển từ rất sớm trong việc hình thành ý thức về cộng đồng, về sự thống nhất, hòa hợp dân tộc.

Ý nghĩa tái sinh của biển có thể được diễn giải qua nhiều hình tượng, nhiều mẫu đề thần thoại khác nhau nhưng không ở đâu đậm nét, phổ quát, có sức lan tỏa rộng lớn như mô típ đại hồng thủy. Trong lịch sử nhân loại, năm truyền thuyết về đại hồng thủy ở châu Âu có chung mô típ về việc con người trốn thoát trên một chiếc thuyền và từ đó tạo ra giống người mới. Hồng thủy là dấu hiệu của một giai đoạn này mãn và tái sinh. Một trận hồng thủy chỉ phá hủy vì các hình thái khi đó đã cũ mòn và cạn kiệt nhưng sau đó bao giờ cũng là một nhân loại mới, một lịch sử mới. Hồng thủy gợi ra ý nghĩ về sự tiêu tan của nhân loại trong nước và sự thiết lập một thời đại với một nhân loại mới (Oppenheimer 2005: 455). Tuy nhiên cư dân nói tiếng Nam Đảo ở Đông Nam Á và khu vực Indo - Thái Bình Dương có nhiều truyện kể về nạn đại hồng thủy hơn bất kỳ cư dân thuộc ngữ hệ nào khác (Oppenheimer 2005: 442) và ở Đông Nam Á, chủ đề đại hồng thủy cũng tạo ra những dị bản độc đáo, mang bản sắc khu vực. Đó là chi tiết con người được cứu sống và tái sinh qua/bằng các đồ vật đặc thù: quả bầu. Có nguyên mẫu về đại hồng thủy ở miền đông, nhóm dân cư ngôn ngữ Tay-kadai ở Miền Điện: "Thần bão Ling-lawn, sau nạn hồng thủy nhấn chìm tất cả, muôn vật và con người chết bốc mùi hôi thối, phải dùng lửa để thiêu đốt. Thần đã giấu con bò đi, sau đó tìm thấy hạt bầu, từ đó sinh ra con người" (Oppenheimer 2005: 433).

Chủ đề của những truyện kể về nạn hồng thủy ở Đông Nam Á còn mở rộng và tăng cường ở khía cạnh diễn giải sự hình thành địa

bản cư trú/tộc người. Truyện kể về nạn hồng thủy do cá dữ tạo ra trong dị bản của các đảo Tiểu Sunda và Maluku ở Đông Indonesia. "Những chuyện kể này không chỉ giải thích hiện tượng một phần lãnh thổ của Indonesia chìm xuống trong thời kỳ băng hà mà còn đưa ra nguyên nhân về tình trạng di cư... Trong một truyền thuyết khác ở Đông Nam Maluku con cá này là loài cá voi và tạo thành một hồ nước trên hòn đảo Kaiminor" (Oppenheimer 2005: 438). Đông Timor có truyện kể về con cá cừu người em và trừng phạt người anh, con cá phá hủy một vài nơi, tách Leti ra khỏi Đông Timor, chia cách đảo Roma thành các hòn đảo nhỏ. Người Kammu ở bắc Thái Lan có truyện người mẹ sinh ra quả bầu, và quả bầu sinh ra vạn vật, người mẹ đi ra khỏi đảo Arop trên một cái bát gỗ khi có đại hồng thủy ập đến. Trong khi đó, Philippin là điểm cập bến đầu tiên trong hành trình di cư của người Nam Đảo cách đây 5000 năm. Truyện đại hồng thủy của người Philippin kể về việc dân làng đảo hồ tìm nước sau trận hạn hán, nước từ hồ dâng lên khiến dân làng chết hết, chỉ còn hai anh em Vigan và Bagan sống sót. Hai anh em được thần chỉ dẫn lấy nhau, vượt qua nỗi xấu hổ để tái sinh loài người (Ngô Văn Doanh 1995: 73). Một truyền thuyết kể lại rằng trận đại hồng thủy diễn ra do sự xung khắc giữa đấng tối cao Bathala và thần biển Dumagat. Những bề tôi của Bathala là quạ và bồ câu đã ăn trộm cá - bề tôi của Dumagat. Kết cục, Dumagat tháo ra một ống nước khổng lồ và làm chìm ngập trái đất (truyền thuyết ở Bisaya, Philippin). Mô típ lãnh nạn trên núi và loài chim tìm đất còn vươn xa đến tận vùng Roti và Nusa Tenggara ở Đông Indonesia: con chim ung rắc đất lên mặt nước, nhờ đó con người được cứu, chim ung cũng tìm kiếm hạt giống của tất cả các mùa vụ để con người có thể trồng trọt trở lại (Oppenheimer 2005: 454). Qua đó, chúng ta thấy biểu tượng biển đã chiếm lĩnh vị trí quan trọng hàng đầu trong thần thoại buổi đầu về sự hình thành thế giới, sinh ra các cộng đồng, con người, gia nhập vào các chủ đề sáng tạo khác, khiến cho ý nghĩa biểu trưng của biển hết sức lan tỏa, mở rộng.

3. Biểu tượng cho sự sáng tạo các giá trị văn hóa, các thành tựu văn minh, tiền đề cho sự ra đời các quốc gia cổ Đông Nam Á

Một trong những chủ đề của thần thoại được kế thừa ở thể loại truyền thuyết là việc nhận thức, diễn giải một cách hình tượng về những thành tựu văn minh buổi đầu hình thành các dân tộc. Trong đó, hình tượng thần từ thần điện (*pantheon*) cao cả, thiêng liêng kỳ vĩ đã bước xuống thế giới trần thế, chuyển hóa thành các hình tượng bán thần hoặc con người. Những vị thần với công cụ lao động ở trên tay không chỉ kiến tạo thế giới với những chiến công hào hùng, kỳ tích vĩ đại: đào sông, đắp núi, đội trời đạp đất để tạo lập địa bàn cư trú mà còn tạo ra các sản phẩm văn hóa, các thành tựu văn minh cho sự ra đời của nhà nước. Đó là những chủ đề chống lụt, tìm ra lửa, tìm ra lúa, chinh phục biển cả/đại dương. Thần thoại Indonesia xuất hiện mô típ dùng mũi giáo phân định đất liền và biển cả. Người anh hùng huyền thoại Nam Đảo Tanimbar đã dùng mũi giáo tách các hải đảo Tiểu Sunda ra khỏi Borneo bằng ngọn giáo của mình trong quá trình di cư sang phía Đông" (Oppenheimer 2005: 440). Truyền thuyết Preah Thong, Vua Neak (rắn) hút cạn một phần biển giữa đảo và đất liền, lập một quốc gia mới, xây cho công chúa và phò mã tòa lâu đài (Ngô Văn Doanh 1995: 15).

Có thể nói, thần thoại Đông Nam Á mang tính phức hợp về biểu tượng, về cách lý giải, đó hẳn là sản phẩm của một lối tư duy mang tính tổng hợp của cư dân nơi đây. Biểu tượng biển đã dần dần xâm chiếm, tạo sức ảnh hưởng to lớn đến tư duy của các dân tộc Đông Nam Á, khiến nó có mặt trong rất nhiều các huyền thoại về sự sáng tạo các giá trị văn hóa. Cội nguồn của cây lúa cũng được cho là liên quan đến biển/thần biển trong truyện kể của Philippin. Có ba thần thoại về nguồn gốc cây lúa: do một con chó mang đến (I), do một người đàn bà (II) và do thần lúa gạo mang đến (III). Ở bản kể số III, miêu tả mối quan hệ của người Rungus (văn minh nông nghiệp) với Bambarazon. Rungus đi ngao du một khoảng thời gian, anh ta đi đến biển. Anh ở nhà Bambarazon 7 ngày. Khi lấy được hạt gạo, trên

đường về, anh đi qua biển mà không cần thuyền. Từ đó người Rungus luôn bày tỏ sự kính trọng với thần Bambarazon, nếu không họ sẽ có một mùa vụ thất bát" (Yutaka Shimomoto 1977).

Chủ đề về việc tìm ra lửa/giữ lửa cũng được tích hợp trong huyền thoại lụt của dân tộc Igorot (Philippin): Có hai anh em con thần tối cao, đi săn đã làm cho nước chảy ra khắp nơi, làm ngập tất cả. Thần Lumawig thấy mọi người chết hết, chỉ còn hai anh em trên núi Pokis sống sót nhưng đang rất lạnh. Thần sai con chó và con nai mang lửa đến cho họ. Thần thoại đề cập đến lũ lụt, nước biển dâng, lửa phải gửi vào thân tre, đá, sắt. Vì thế con người có thể tìm thấy lửa từ tre hoặc đá (Cole 1916: 187-188). Như vậy, chủ đề hồng thủy gắn liền với việc tái tạo sự sống, tạo lập địa bàn cư trú, sáng tạo các thành tựu văn minh được tiếp nối với việc tìm ra và lưu giữ ngọn lửa. Cũng có thể nói về một sự chuyển hóa về thể loại thần thoại ở giai đoạn truyền thuyết khi các mẫu đề thần thoại được gắn cho những ý nghĩa lịch sử và xã hội, khiến các biểu tượng thần thoại luôn mang tính lịch sử, dù đó có thể là lịch sử - nhận thức, lịch sử tưởng tượng trong tâm thức dân gian. Tuy nhiên, sự xuất hiện sớm của những hình tượng, biểu tượng về nguồn gốc cộng đồng, nguồn gốc quốc gia dân tộc là hết sức cần thiết bởi tất cả các quốc gia Đông Nam Á đều ở tình trạng đa sắc tộc (Việt Nam có 54 dân tộc, Indonesia trên 300 dân tộc) và cư trú trên địa bàn rộng lớn, đặc biệt vùng hải đảo bị chia cắt bởi mặt nước biển. Điều kiện địa - văn hóa như vậy dẫn đến nhu cầu tất yếu về sự hòa hợp dân tộc/tôn giáo, sự hình thành ý thức về đoàn kết cộng đồng. Vì thế, quả bầu hay bọc trăm trứng xuất hiện trong truyện cổ Đông Nam Á rõ ràng muốn đưa đến một nhận thức về cội nguồn chung của các dân tộc. Cũng vì lẽ đó mà các mô típ về sự hình thành thế giới cũng song hành cùng với nhận thức và giáo dục ý thức dân tộc. Có thể so sánh qua chủ đề thần thoại "bắn rơi mặt trời": nếu như Hậu Nghệ (Trung Quốc) bắn rơi 11/12 mặt trời để còn lại một mặt trời duy nhất cho đến ngày nay thì người Indonesia lại kể rằng ngày xưa có chín mặt trời cùng chiếu

sáng gây ra hạn hán. Ba anh em khổng lồ đi bắn mặt trời. Họ bắn rơi bảy, còn hai mặt trời chạy thoát. Trong đó có một cái bị bắn trượt, chỉ còn ánh sáng mờ mờ. Hai mặt trời sợ quá lặn xuống biển, mọi người phải đi mời gọi. Từ đó, hai mặt trời thay nhau chiếu sáng, mặt trời mờ chính là mặt trăng chiếu sáng ban đêm, có ngày và đêm. Người khổng lồ phải canh giữ không cho mặt trời chạy mất, ra sức moi đất sâu xuống đào bới mặng đất ra biển khơi, những mặng đất đó là quần đảo Indonesia (Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát 1998: 54). Đây là cách người Indonesia gắn lịch sử với vũ trụ, gắn cộng đồng với nhân loại, đẩy lịch sử cộng đồng đến thời quá khứ thiêng liêng. Những thần thoại đó khẳng định rằng xa xưa con người đã có ước mơ táo bạo: cải tạo khí hậu trên trái đất, ước mơ chinh phục thiên nhiên.

Hình tượng cặp đôi nhân vật thủy tổ là sản phẩm của kiểu tư duy đặc thù ở khu vực - "Tư duy tổng hợp và biện chứng nguyên sơ ấy tạo thành phương pháp mà các nhà khoa học gọi là tư duy lưỡng hợp" (Phạm Đức Dương 2003: 967). Kiểu tư duy lưỡng hợp đó tạo nên các cặp hình tượng, biểu tượng xuyên suốt lịch sử xã hội các quốc gia Đông Nam Á nói chung và Indonesia nói riêng. Truyền thuyết về sự hình thành cộng đồng Sahu cũng từ hai vị thủy tổ: Baikole từ trên núi xuống (yếu tố núi) và Wangemalako từ phương Đông (yếu tố biển), nội địa tới. Baikole trẻ hơn, Wangemalako già hơn và vốn là người trị vì nơi đây. "Chủ đề về người anh hùng từ bên kia đại hải tới có thể thấy ở trường hợp Semarang. Ông ta được sự chấp nhận của cộng đồng bản địa vì quyền năng chữa bệnh thần kỳ" (Masinambow 1993: 38). Ở đây có thể thấy sự kết hợp hài hòa, tương sinh tương hợp giữa hai hình tượng nhân vật biểu trưng cho tín ngưỡng bản địa (thờ thần biển) và tôn giáo ngoại lai (Ấn Độ giáo, Phật giáo) và thêm lớp văn hóa thứ ba được tạo nên bởi sự ảnh hưởng của Hồi giáo, tạo nên dạng thức thủy tổ cặp đôi của các cộng đồng dân tộc Đông Nam Á... Trong huyền thoại về sự ra đời nước Campuchia, ta cũng có thể nhận thấy sự biểu hiện lưỡng hợp tương sinh tương khắc trong cuộc hôn nhân của chàng Prea

Thong và công chúa Sôma, con vua Neak (rắn). Lớp ý nghĩa cao hơn của cặp biểu tượng này là sự phản ánh quan niệm lưỡng hợp giữa hai yếu tố tự nhiên và văn hóa: tự nhiên ở đây là tín ngưỡng bản địa (thờ Rắn) và yếu tố văn hóa ngoại lai (tôn giáo Balamôn), trong đó yếu tố bản địa chiếm vị trí quan trọng, gắn với ý niệm về nữ tính, về tổ tiên. Ở đây, yếu tố văn hóa biển không xuất hiện.

Trong truyền thuyết của Indonesia có truyện *Thanh gươm tháo rời*, kể về quá trình hình thành đất nước này: Đất nước có giặc ngoại xâm, ba anh em đi tìm ba bộ phận của thanh gươm (lưỡi, chuôi, vỏ) trên ba đỉnh núi ở ba hòn đảo khác nhau. Sau khi thắng trận, ba người anh hùng lên làm vua, chia gươm cho nhau và hẹn sau này có giặc thì cùng đến hợp sức giết giặc. Mỗi vị vua giữ một bộ phận của thanh gươm, cai quản mỗi hòn đảo của vương quốc (Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát 1998: 80). Câu chuyện phản ánh quá trình thống nhất đất nước Indonesia.

Sau thời kỳ của thần thoại, biểu tượng biển được tái tạo ở các thể loại tự sự dân gian tiếp theo như truyền thuyết, cổ tích, trong đó lớp nghĩa biểu trưng về vũ trụ, thiên nhiên kỳ vĩ, thần sáng tạo đã mờ dần, thay vào đó, biển trở thành thể lực huyền bí, siêu nhiên bên cạnh con người, vừa thân thiết vừa dữ dội, thậm chí biển hiển hiện như con người, trở thành hình tượng nhân vật. Trở lại với chủ đề lý giải tại sao nước biển mặn ở trên, bản kể của Philippin không có chi tiết sử dụng chày cối tác động đến biển mặn mà phản ánh một thành tựu văn minh của cộng đồng người cổ là kỹ thuật đóng thuyền vượt biển: Con người phải đóng thuyền vượt biển đến với thế giới của người khổng lồ để xin muối. Đến thời điểm này, biển trở thành một thách thức, một đối tượng để chinh phục. Đối diện với biển, con người vừa bé nhỏ, mong manh vừa vĩ đại, oai hùng.

Với riêng truyền thuyết Việt Nam, hình tượng biển có sự thâm thấu sâu sắc trong chiều dài lịch sử, chiều sâu của tư tưởng, bề rộng của độ lan truyền. Người Việt ứng xử với biển rất linh hoạt: một mặt thờ biển qua những minh họa hoa văn trống đồng, qua tục xăm hình rồng rắn, qua các ngôi đền thờ thần biển (Tứ vị thánh

nuơng, Thiên Hậu, Độc Cước, Huyền Trân công chúa...) một mặt không ngừng chinh phục đại dương. Sử sách ghi lại việc "Ngô Vương Quyền cho người đóng cọc ở hai bên cửa biển để dụ địch" (ĐVSKTT 2004: 191), đến thời Lý Thái Tổ, "Vua thân đi đánh Chiêm thành thắng được. Đóng thuyền chiến, sửa binh khí, tự làm tướng đi đánh, chém được Phê Mị Thuế tại trận" (ĐVSKTT 2004: 226). Vua đi đánh nước Chiêm quan núi Đồng Cổ, đến sông Ba Hòa, đường núi hiểm trở khó đi, người ngựa mệt mỏi, đường biển thì sóng to khó đi lại, mới sai người đào kênh, đào xong thuyền bè đều đi lại tiện lợi "kênh trên đường biển làm xong" (ĐVSKTT 2004: 227). "Vua đi đánh châu Diên, vừa trời đất tối sầm, gió và sấm rất dữ, vừa đốt hương khấn, sóng yên biển lặng. Năm 1043, vua thấy sang năm đánh Chiêm thành, xuống chiếu sai đóng chiến hạm hiệu Long, Phượng, Ngự, Xà, Hồ, Báo, Anh, Vũ hơn vài trăm chiếc" (ĐVSKTT 2004: 306).

Tóm lại, biển là biểu tượng, một cổ mẫu trong văn hóa các quốc gia Đông Nam Á. Có một sợi dây liên hệ về phương diện tinh thần giữa các quốc gia Đông Nam Á trong cách nhận thức, tư duy và biểu hiện về biểu tượng biển. Thần thoại và truyền thuyết các dân tộc trong khu vực tạo dựng biểu tượng biển trong nghệ thuật ngôn từ dân gian, kết tinh, cô đọng những giá trị về tư tưởng, nhận thức, lịch sử, văn hóa của cư dân Đông Nam Á. Cần thiết phải có những kết quả nghiên cứu đa ngành, sâu sắc, toàn diện về biển trong khu vực Đông Nam Á để tổng kết, khái quát nên truyền thống văn hóa ứng xử với biển trong lịch sử hình thành phát triển các cộng đồng, tuy nhiên hướng nghiên cứu biểu tượng biển từ trong thần thoại, truyền thuyết dân gian khu vực đã gợi mở những tri thức nền tảng, một lối tư duy truyền thống, một hàng số văn hóa mang bản sắc riêng biệt, độc đáo của Đông Nam Á. ■

Tài liệu tham khảo

1. Leopold Cadière (1997), *Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H.
2. Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng & Trường Viết văn Nguyễn Du xb.

3. Mai Ngọc Chừ (2008), "Văn hóa biển miền Trung trong mối quan hệ với văn hóa Đông Nam Á", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển bách khoa, H.
4. Mabel Cook Cole (1916), *Philippine Folk Tales*, Chicago, A. C. McClurg and Company.
5. Ngô Văn Doanh (1994), *Truyện cổ Myanmar*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
6. Ngô Văn Doanh (1995), *Truyện cổ Đông Nam Á: Campuchia*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H.
7. Ngô Văn Doanh (1995), *Truyện cổ Phi-lip-pin*, Nxb. Văn hóa dân tộc, H.
8. Phạm Đức Dương (2013), *Lịch sử văn hóa Đông Nam Á*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H.
9. Damiana L. Eugenio (1985), "Philippine Folktales: An Introduction", *Asian Folklore Studies*, Volume 44: 155 - 177.
10. Andrew Hardy (2008), "Núi và biển trong lịch sử kinh tế Chăm-pa và Việt Nam", trong *Văn hóa biển miền Trung và văn hóa biển Tây Nam Bộ*, Nxb. Từ điển bách khoa.
11. G.S.Kirk (1978), *Myth - Its Meaning & Functions in Ancient & Other Cultures*, University of Bambridge Press.
12. Ngô Sỹ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, in lần thứ 2 (Đào Duy Anh dịch), Nxb. Văn hóa - Thông tin.
13. E.K.M. Masinambow (1993), "Hội lễ và sự tham dự có tính xã hội ở Indonesia", trong *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tấn chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, H.
14. Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2015), "Một số biểu tượng trong sử thi Uđai-Uja", *Luận văn thạc sĩ Đại học sư phạm Hà Nội*.
15. Đức Ninh (2008), *Về một số vấn đề văn hóa dân gian Đông Nam Á*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
16. Bùi Mạnh Nhị chủ biên (2004), *Văn học dân gian những công trình nghiên cứu*, tái bản lần thứ 4, Nxb. Giáo dục.
17. Võ Quang Nhơn, Lê Trường Phát (1998), *Truyện cổ dân gian Đông Nam Á*, tập 1, 2, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
18. Stephen Oppenheimer (2005), *Địa đàng ở phương Đông* (Lê Sỹ Giảng, Hoàng Thị Hà dịch), Nxb. Lao động và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây xb.
19. Cao Xuân Phổ (1994), "Văn hóa biển Đông Nam Á", *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 4.
20. Yutaka Shimomoto (1979), "Myths and Ritual for Rice Spirits Bamarazon among the Rungus", *Asian folklore Studies*, Volume 38: 73 - 93.
21. Hoàng Minh Tường (2015), *Tục thờ thần độc cước ở một số làng ven sông biển tỉnh Thanh Hóa*, Nxb. Khoa học xã hội, H.
22. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc và Tạp chí Văn hóa nghệ thuật xb, H.
23. Robert Wessing (2006), "Homo Narrans in East Java Regional Myths and Local Concerns", *Asian Folklore Studies*, Volume 65: 45-68.
24. <http://www.pitt.edu/~dash/creation-phil.html#howtheworld>, đăng ngày 12/9/2016.